

ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ II – NĂM HỌC 2020 – 2021
MÔN ĐỊA – KHỐI 11

Thời gian làm bài: 45 phút
(Không kể thời gian phát đề)



Họ và tên học sinh: **Lớp:** **Mã số:**

Câu 1 (2.0 điểm)

Nêu đặc điểm của ngành công nghiệp Nhật Bản.

Câu 2 (3.0 điểm) Dựa vào kiến thức đã học, em hãy:

- Trình bày đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo.
- Đánh giá những thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên Đông Nam Á.

Câu 3 (2.0 điểm) Dựa vào Tập bản đồ Địa lí 11 trang 24- 25, em hãy:

- Kể tên các sông lớn và đồng bằng lớn ở miền Đông của Trung Quốc.
- Kể tên các ngành công nghiệp của vùng trung tâm công nghiệp có quy mô rất lớn ở miền Đông Trung Quốc.

Câu 4 (3.0 điểm) Cho bảng số liệu:

KIM NGẠCH XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2014- 2018
(Đơn vị: triệu USD)

Năm	2014	2015	2016	2017	2018
Kim ngạch xuất khẩu	150.220	162.020	176.581	215.119	243.697
Kim ngạch nhập khẩu	147.850	165.570	174.804	213.007	237.182

Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

- Tính tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam giai đoạn 2014-2018.
- Nhận xét tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam giai đoạn 2014-2018.

-----Hết-----

(Học sinh được sử dụng Tập bản đồ Địa lí 11-Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam)

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ II – NĂM HỌC 2020 – 2021
MÔN ĐỊA LÍ – KHỐI 11

Câu	Lời giải (cần viết tắt – rõ các bước được điểm)	Điểm	Lưu ý khi chấm
<p>Câu 1 (2.0 điểm)</p>	<p>Nêu đặc điểm của ngành công nghiệp Nhật Bản.</p> <p>- Cơ cấu ngành:</p> <p>+ Có đầy đủ các ngành công nghiệp kể cả các ngành không thuận lợi về tài nguyên.</p> <p>+ Dựa vào ưu thế về lao động cần cù, có tinh thần trách nhiệm cao, ham học hỏi, thông minh, sáng tạo và trình độ khoa học công nghệ hiện đại.</p> <p>- Tình hình phát triển:</p> <p>+ Các ngành công nghiệp truyền thống giảm, chú trọng phát triển các ngành công nghiệp hiện đại đặc biệt là các ngành công nghiệp mũi nhọn: CN điện tử tin học, CN xây dựng công trình công cộng...</p> <p>+ Công nghiệp tạo ra một khối lượng hàng hoá lớn, không những trang bị cho tất cả các ngành kinh tế trong nước mà còn cung cấp những mặt hàng xuất khẩu quan trọng.</p> <p>- Phân bố:</p> <p>+ Mức độ tập trung cao nhất trên đảo Hôn-su.</p> <p>+ Các trung tâm công nghiệp tập trung chủ yếu ven biển, đặc biệt phía Thái Bình Dương.</p>	<p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>	
<p>Câu 2 (3.0 điểm)</p>	<p>**Trình bày đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo.</p> <p>+ Đông Nam Á lục địa:</p> <p>- Địa hình chạy theo hướng Tây Bắc –Đông Nam.</p> <p>- Nhiều núi, nhiều sông lớn=> có nhiều đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất đai phù sa màu mỡ.</p> <p>- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.</p> <p>- Giàu khoáng sản: Than đá, dầu mỏ, sắt, thiếc, đồng, chì, vàng...</p> <p>+ Đông Nam Á biển đảo:</p> <p>- Nhiều đảo (đảo hẹp) với nhiều núi lửa, ít sông lớn nên ít đồng bằng.</p> <p>- Khí hậu xích đạo và nhiệt đới gió mùa.</p> <p>- Giàu khoáng sản: Than đá, dầu mỏ, sắt, thiếc, đồng...</p> <p>**Đánh giá những thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên Đông Nam Á.</p> <p>+ Thuận lợi:</p> <p>- Khí hậu nóng ẩm ,đất feralit và đất phù sa màu mỡ => Thuận lợi phát triển nông nghiệp nhiệt đới.</p> <p>- Biển: Phát triển ngư nghiệp, du lịch, cung cấp lượng mưa dồi dào.</p> <p>-Giàu khoáng sản, rừng nhiệt đới phong phú và đa dạng.</p> <p>+ Khó khăn:</p> <p>- Động đất, núi lửa, sóng thần, bão, lũ lụt, hạn hán.</p> <p>- Tài nguyên rừng và tài nguyên khoáng sản khai thác</p>	<p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>	

	không hợp lí => suy giảm.																				
Câu 3 (2.0 điểm)	<p>Kể tên các sông lớn và đồng bằng lớn ở miền Đông của Trung Quốc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sông: Trường Giang, Hoàng Hà, Hắc Long Giang, Tây Giang. - Đồng bằng: Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam. <p>Kể tên các ngành công nghiệp của từng trung tâm công nghiệp có quy mô rất lớn ở miền Đông Trung Quốc.</p> <p>TTCN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bắc Kinh: Điện tử, cơ khí, hóa chất, hóa dầu, chế tạo máy bay, dệt, may, sản xuất ô tô. - Thượng Hải: Đóng tàu, luyện kim đen, luyện kim màu, điện tử, chế tạo máy bay, dệt, may, sản xuất ô tô. - Vũ Hán: Luyện kim đen, cơ khí, điện tử, chế tạo máy bay, dệt, may, sản xuất ô tô. - Trùng Khánh: Điện tử, cơ khí, hóa chất, hóa dầu, chế tạo máy bay, dệt, may, sản xuất ô tô, luyện kim màu. - Quảng Châu: Đóng tàu, điện tử, chế tạo máy bay, dệt, may, hóa chất, hóa dầu. 	0,5 0,5 1.0	Kể đúng 1 trung tâm và có đủ các ngành là 0,25đ. Tối đa là 1đ																		
Câu 4 (3.0 điểm)	<p>a. Tính tốc độ tăng trưởng (Đơn vị: %)</p> <table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>2014</th> <th>2015</th> <th>2016</th> <th>2017</th> <th>2018</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Kim ngạch xuất khẩu</td> <td>100</td> <td>107,85</td> <td>117,54</td> <td>143,20</td> <td>162,22</td> </tr> <tr> <td>Kim ngạch nhập khẩu</td> <td>100</td> <td>111,98</td> <td>118,23</td> <td>144,06</td> <td>160,42</td> </tr> </tbody> </table> <p>(HS có quyền làm tròn sau phẩy một số nhưng phải đúng)</p> <p>b. Nhận xét:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim ngạch xuất khẩu, Kim ngạch nhập khẩu đều có tốc độ tăng trưởng nhanh. + Kim ngạch xuất khẩu có tốc độ tăng: 62,22% + Kim ngạch nhập khẩu có tốc độ tăng: 60,42% → Tốc độ tăng trưởng của kim ngạch xuất khẩu tăng hơn Kim ngạch nhập khẩu . 	Năm	2014	2015	2016	2017	2018	Kim ngạch xuất khẩu	100	107,85	117,54	143,20	162,22	Kim ngạch nhập khẩu	100	111,98	118,23	144,06	160,42	2.0 0.25 0.25 0.25 0.25	<ul style="list-style-type: none"> -HS tính đúng 1 năm kim ngạch XK hoặc NK được 0.25 đ -HS không ghi đơn vị trừ 0.5 đ - HS làm tròn số sai ko cho điểm của năm đó.
Năm	2014	2015	2016	2017	2018																
Kim ngạch xuất khẩu	100	107,85	117,54	143,20	162,22																
Kim ngạch nhập khẩu	100	111,98	118,23	144,06	160,42																